

Bản án số 90/2024/HC-PT

Ngày 31-01-2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính trong quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơ - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 628/2023/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2023/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2809/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Cư trú tại: Khu phố T H, thị trấn M L, huyện H, tỉnh Bình Thuận; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964. Cư trú tại: Khu phố L S, phường M N, thành phố P T, tỉnh Bình Thuận; (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận; (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn M- Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - Bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1971; (xin vắng mặt).
 - Ông Trương Văn H, sinh năm 1952; (xin vắng mặt).
- Cùng cư trú tại: Khu phố T H, thị trấn M L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.
- Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị L là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L, người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Nguyên trước đây, bà L có nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị Kim L và ông Đặng Thanh B nhà và đất có diện tích 440,6m², có tường rào xây gạch và hàng cây hoàng nam, việc mua bán được lập thành giấy tay có ông Nguyễn Phi H, Trưởng Ban điều hành thôn T H chứng kiến và ký xác nhận. Ngày 20/12/2016 các bên đã hoàn thành việc đăng ký chuyển quyền tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà L quản lý và sử dụng tài sản này bình thường cho đến tháng 01/2021 thì bị đập phá vòng thành và chặt cây hoàng nam, lúc đó bà L mới được thông báo việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành các quyết định khắc phục hậu quả. Việc ban hành các quyết định hành chính này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, chính vì vậy bà L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 93/QĐ-KPHQ ngày 03/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; hủy Quyết định số 20/QĐ-KPHQ ngày 06/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Theo Công văn số 2417/UBND-KT ngày 27/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Căn cứ Bản án số 02/2017/DS-ST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận có hiệu lực pháp luật và Thông báo số 65/TB-VPĐKĐĐ ngày 10/7/2017 của Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận, xác định phần đất có diện tích 28,6m², tọa lạc tại thôn T H, thị trấn M L, huyện H là đất giao thông do Ủy ban nhân dân thị trấn M L quản lý, Nhà nước không công nhận quyền sử dụng riêng, không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào khác. Đối với việc bà Nguyễn Thị L và bà Trương Thị Kim L thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên và toàn bộ tài sản gắn liền với đất nhưng không công chứng, chứng thực theo quy định và đến nay chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận tài sản là tường rào, cây xanh này thuộc quyền sở hữu của bà L. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành các quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Văn H và bà Trương Thị Kim L là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

là ông Trương Văn H trình bày:

Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị L không có quan hệ họ hàng, thân thích gì, còn bà Trương Thị Kim L là con ruột của ông Hồng, ông thống nhất và chấp hành Quyết định xử phạt hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 93/QĐ-KPHQ ngày 03/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. Ông H thừa nhận cây hoàng nam trên thửa đất có diện tích 28,6m² là do ông trồng năm 2010, còn tường bao là do bà L1 xây dựng năm 2015. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông Hồng không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kim L không có ý kiến, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2023/HC-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc: “Hủy Quyết định số 93/QĐ-KPHQ ngày 03/10/2019, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Văn H; hủy Quyết định số 20/QĐ-KPHQ ngày 06/02/2020, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trương Thị Kim L, cùng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày yêu cầu hủy Quyết định số 93/QĐ-KPHQ ngày 03/10/2019, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Văn H; hủy Quyết định số 20/QĐ-KPHQ ngày 06/02/2020, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trương Thị Kim L do các biên bản vi phạm hành chính lập sự việc xảy ra cách hơn 10 năm; Bản án số 02/2017/DS-ST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện H xác định cây trồng do ông Hồng trồng là không đúng mà do ông Phiên trồng và việc xây hàng rào không phải do bà L1 xây mà do ông Phiên xây nên các quyết định hành chính này không đúng, xâm phạm quyền lợi của bà L. Bà L chuyển nhượng đất toàn bộ khuôn viên được xây dựng có hàng rào, diện tích trong sổ là 390 m² nhưng thực tế chuyển nhượng giấy tay hơn 440 m² có chứng kiến của người làm chứng; 28,6m² cho rằng đất đường đi công cộng là không đúng vì là lối đi riêng của nhà bà Mi nên không đúng theo điểm đ khoản 1 Điều 39 Luật Giao thông đường bộ, theo Dự án 920 lối đi này theo bản vẽ không còn nữa.

Ông Trần Văn M người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Quyết định số 93/QĐ-KPHQ ngày 03/10/2019 và Quyết định số 20/QĐ-KPHQ ngày 06/02/2020 được ban hành đúng pháp luật; Bản án số 02/2017/DS-ST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện H xác định 28,6m² là đất lối đi công cộng do Ủy ban nhân dân thị trấn M L quản lý, việc ông Hồng,

bà L1 lấn chiếm đất trồng cây, xây hàng rào là vi phạm pháp luật, do hết thời hiệu xử phạt nên mới ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị L nhận thấy Bản án số 02/2017/DS-ST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện H xác định 28,6m² là đất lối đi công cộng do Ủy ban nhân dân thị trấn M quản lý đây là sự việc không phải chứng minh theo Điều 79 Luật Tố tụng hành chính; việc ông H, bà L1 lấn chiếm đất trồng cây, xây hàng rào là vi phạm pháp luật, do hết thời hiệu xử phạt nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng pháp luật, Án sơ thẩm xét xử có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các đương sự có đơn xin vắng mặt, đã được tổng đạt hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L nộp trong thời hạn luật định được thụ lý và đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 93/QĐ-KPHQ ngày 03/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 20/QĐ-KPHQ ngày 06/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, đây là các quyết định xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai. Ngày 01/6/2021, bà Nguyễn Thị L cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nên khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy các quyết định nêu trên. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và trong thời hạn khởi kiện được quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai khi ban hành các Quyết định số 93/QĐ-KPHQ ngày 03/10/2019 và Quyết định số 20/QĐ-KPHQ ngày 06/02/2020 theo các căn

cứ quy định tại Điều 4, 28, 30, 38, 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2013/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Ngày 30/11/2015, bà Nguyễn Thị L có nhận chuyển nhượng nhà ở và quyền sử dụng đất ở có diện tích 390 m² thuộc thửa 74A, tờ bản đồ số 6T thôn T, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 24/12/2012 thể hiện phần cập nhật biến động cho bà L vào ngày 20/12/2016. Theo hiện trạng thửa 74A diện tích 390m² của bà Nguyễn Thị L được cấp đủ, đúng diện tích, có hình thể vị trí phía Tây giáp lối đi (nằm ngoài thửa đất) được sử dụng ổn định từ năm 2012 do bà Nguyễn Thị Kiều M đứng tên và chuyển nhượng cho ông Trương Văn P ngày 13/02/2014; ông Phiên chuyển n cho bà Trương Thị Kim L ngày 14/01/2015 và bà L chuyển nhượng cho bà L năm 2015.

[3.2.2] Tại Bản án dân sự số 02/2017/DS-ST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử vụ án dân sự sơ thẩm tranh chấp quyền sử dụng đất lối đi giữa bà Vũ Thị M với bà Trương Thị Kim L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, Bản án đã có hiệu lực pháp luật xác định: *“Diện tích đất đường đi 28,6m² mà bà Vũ Thị M tranh chấp yêu cầu bà Trương Thị Kim L, ông Đặng Thanh B và bà Nguyễn Thị L tháo dỡ tường rào làm bằng bê tông, gạch block và sắt trả lại cho bà đường đi có diện tích đo đạc 28,6m² (chiều rộng 1m, chiều dài 28,6m) là đường đi công cộng, đường đi chung do Ủy ban nhân dân thị trấn M quản lý...”*. Đây là tình tiết, sự việc không phải chứng minh theo Điều 79 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Như vậy, phần đất có diện tích 28,6m², tọa lạc tại thôn T, thị trấn M, huyện H là đất giao thông do Nhà nước quản lý, không thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị L.

[3.2.3] Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng số 39/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân thị trấn M lập vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 27/9/2019 xác định vào năm 2012, ông Trương Văn H tự ý xây kè và trồng 11 cây hoàng nam chiếm đất đường đi do Ủy ban nhân dân thị trấn M quản lý với diện tích 28,6m² (ngang 1m, dài 28,6m). Tại Biên bản xác minh do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H lập ngày 31/10/2018, ông H thừa nhận ông là người trồng cây hoàng nam trên diện tích đất này còn việc xây dựng tường bao là do bà L1 thực hiện vào năm 2015, cũng tại Biên bản xác minh cùng ngày 31/10/2018, bà Trương Thị Kim L và ông Đặng Thanh B xác định toàn bộ tài sản là đoạn tường rào xây dựng trên đất đường đi này là do ông Vũ Đoan C nhờ bà L1 đứng ra giúp xây dựng đoạn tường rào này. Những lời trình bày này phù hợp với lời khai của ông Trương Văn H tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 14/4/2023.

[3.2.4] Như vậy, đủ căn cứ pháp luật để xác định ông Trương Văn H và bà Trương Thị Kim L là người trực tiếp thực hiện hành vi lấn, chiếm đất đường đi công cộng do Nhà nước quản lý, hành vi vi phạm được quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP11/11/2009, khoản 2 Điều 10 Nghị định số

102/2014/NĐ-CP10/11/2014, khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Bà L cho rằng cây được trồng, hàng rào được xây trên phần đất của mình và là tài sản hợp pháp là hoàn toàn không có căn cứ pháp luật; việc chuyển nhượng, thỏa thuận giữa bà L với bà L1 liên quan đến cây trồng, hàng rào phần diện tích ngoài giấy chứng nhận nếu có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ việc khác theo trình tự tố tụng dân sự. Đối với hành vi vi phạm hành chính nêu trên do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành các quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với người có hành vi vi phạm là đúng, phù hợp với quy định tại Điều 6 và Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính, đúng về thẩm quyền ban hành được quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 93/QĐ-KPHQ ngày 03/10/2019, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Văn H1 và Quyết định số 20/QĐ-KPHQ ngày 06/02/2020, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trương Thị Kim L của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2.5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, bà Nguyễn Thị L kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới để làm thay đổi nội dung vụ án, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị L không được chấp nhận nên căn cứ theo Điều 349 Luật Tố tụng hành chính, khoản 1 Điều 34, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án phải nộp án phí hành chính phúc thẩm nhưng do là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241; Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2023/HC-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, cụ thể tuyên:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 2, khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, 348 Luật Tố

tụng hành chính năm 2015; Điều 6 và Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Khoản 4 Điều 14, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc: “Hủy Quyết định số 93/QĐ-KPHQ ngày 03/10/2019, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Văn H; hủy Quyết định số 20/QĐ-KPHQ ngày 06/02/2020, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trương Thị Kim L, cùng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận”.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu VTLT, HSVA– Nơi 18b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh